TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2017/DS-ST
Ngày: 20-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hùng
2. Ông Nguyễn Thành Lân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2017/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1973 và ông Trương Văn T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Đường S, Phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Phạm Thị Mỹ L: Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1970; Địa chỉ: Đường Đ, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số công chứng: 013860, quyển số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2017 tại Văn phòng công chứng Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim C , sinh năm 1971;

Địa chỉ: Đường I, Phường A, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Thái B , sinh năm 1975; Địa chỉ : Đường J, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền có số công chứng 032150, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/8/2017 tại Phòng Công chứng số 4) (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hồng Q (Trần Hậu Q), sinh năm 1965; Địa chỉ: Đường I, Phường A, quận F, Tp. Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Tuấn K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Phạm Thị Kim L trình bày: Do có mối quan hệ quan biết lâu năm nên khi bà Trương Thị Kim C có nhờ vay giúp một số tiền thì bà L sẵn sàng đồng ý. Theo đó, bà L đã cho bà C vay mượn số tiền cụ thể như sau: ngày 21/12/2015 bà C vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời gian vay là 01 tháng, theo giấy mượn tiền ngày 21/12/2015 thì không có thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận bà C sẽ trả lãi 4%/tháng nhưng chưa trả được tháng nào tiền lãi. Tiếp tục vào ngày 10/01/2016 bà C vay tiếp số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, khi trả tiền gốc sẽ trả tiền lãi là 10%/tháng nhưng cũng chưa trả được tháng nào tiền lãi.

Khi đến hạn trả nợ thì bà C không trả, sau đó bà L có nhờ Công ty nợ D A thu hồi nợ giúp thì bà C có trả được số tiền 8.000.000đ, còn nợ lại số tiền gốc 152.000.000đ. Qua nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng bà C luôn tìm cách né tránh nên bà có gửi đơn khiếu nại ra Ủy ban nhân dân phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại buổi hòa giải, bà C xác nhận số tiền gốc còn thiếu là 152.000.000đ và hứa sẽ trả 50.000.000đ vào ngày 29/3/2017, số tiền gốc còn lại sẽ trả dần nhưng vẫn không thực hiện. Sau đó, bà L nhiều lần liên hệ để yêu cầu trả số tiền trên nhưng bà C luôn tìm cách né tránh. Ngày 18/4/2017, bà và ông Trương Văn T cùng đứng đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim C trả số tiền gốc và lãi là 248.000.000đ. Sau đó, ông T rút đơn khởi kiện, ngày 11/7/2018 bà có đơn khởi kiện bổ sung về việc bà yêu cầu bà C có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số nợ gốc và lãi tính từ 10/01/2016 đến ngày 10/4/2017 là 15 tháng số tiền là 243.200.000đ và xác nhận ½ số tiền tạm ứng án phí 1.200.000đ là của ông Tài. Bà chỉ cho bà C vay, không liên quan gì đến chồng bà C là ông Trần Hồng Q nên bà chỉ khởi kiện một mình bà C . Bà L xác nhận ngày bà C trả số tiền gốc 8.000.000đ là 10/12/2016. Về tiền lãi, do bà đi vay của người khác để cho bà C mượn theo lãi suất 4%/tháng nên bà cũng yêu cầu bà C trả lãi với lãi suất 4% tháng cụ thể như sau:

Từ 21/12/2015 đến 10/01/2016: 100.000.000đ x 4%/tháng x 20 ngày = 2.666.000đ.

Từ 10/01/2016 đến 10/12/2016: 160.000.000đ x 4%/tháng x 11 tháng = 70.400.000đ.

Từ 10/12/2016 đến 20/9/2017: 152.000.000đ x 4%/tháng x 10 tháng 10 ngày = 56.746.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi bà C phải trả tính đến ngày 20/9/2017 là 281.806.000đ. Yêu cầu bà C trả ngay 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn - ông Trương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có ý kiến trình bày: Ngày 18/4/2017 ông cùng đứng đơn với bà Phạm Thị Mỹ L khởi

kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim C trả số tiền gốc 152.000.000đ và tiền lãi 96.000.000đ. Ngày 31/5/2017, ông rút lại yêu cầu khởi kiện và xác định toàn bộ số tiền cho bà C vay ông không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan và ½ số tiền tạm ứng án phí tương ứng 1.200.000đ là của ông, ông đề nghị xét xử theo quy định pháp luật.

Ông Trần Thái B là đại diện hợp pháp của bị đơn – bà Trương Thị Kim C trình bày: Bà C xác nhận có vay bà L hai lần với tổng số tiền gốc còn thiếu là 152.000.000đ. Đối với thời điểm vay, thời hạn vay của từng đợt vay cũng như ngày thanh toán số tiền gốc 8.000.000đ bà C cũng thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn. Đây là khoản nợ do cá nhân bà đứng vay nên tự bà sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L . Về phần tiền lãi, do bà C và bà L khi vay không có thỏa thuận lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Do hiện nay bà C đang khó khăn nên xin được trả 10.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Hồng Q (Trần Hậu Q) trình bày: Ông không biết bà Phạm Thị Mỹ L, ông Trương Văn T là ai cũng như việc ông không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà C với bà L, ông T . Ông đề nghị Tòa xét xử theo quy định và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Qua lời khai của các bên đã phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình. Xét việc khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim C trả số tiền gốc và lãi còn thiếu. Theo lời trình bày của bà C , ông Q thì hiện giữa ông và bà đang tồn tại quan hệ vợ chồng nên cần đưa ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do ông Trương Văn T , ông Trần Hồng Q có đơn xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét giao dịch của các bên được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nay phát sinh tranh chấp nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó, phía bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền gốc là 152.000.000đ.

Về tiền lãi: Theo giấy mượn tiền ngày 21/12/2015 thì số tiền mượn là 100.000.000đ, thời hạn trả là một tháng rưỡi do đó thời gian tính lãi trong hạn từ ngày 21/12/2015 đến 06/2/2017, lãi quá hạn sẽ bắt đầu từ ngày 07/02/2016. Đối với số tiền gốc đã trả là 8.000.000đ, cả hai bên đương sự thống nhất ngày trả là ngày 10/12/2016 nên ngày chốt số tiền gốc 152.000.000đ là ngày 10/12/2016. Đối với khoản tiền mượn lần 02 là 60.000.000đ vào ngày 10/01/2016, thời hạn vay là 01 tháng do đó thời gian tính lãi trong hạn sẽ bắt đầu từ ngày 10/01/2016 đến ngày 10/02/2016, lãi quá hạn sẽ bắt đầu từ ngày 11/02/2016.

Về khoản tiền lãi đã trả, đại diện bà C rút lại lời trình bày đã trả lãi được số tiền 60.000.000đ/3 tháng do cho rằng giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất nên không có sự việc bà C đã trả lãi.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn cho rằng để có tiền cho bà C vay, bà đã đi mượn của người khác với mức lãi suất 4%/tháng nên yêu cầu lãi suất 4% tháng là không đúng theo quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh. Do các bên đều thừa nhận đây là các khoản vay có kỳ hạn nên căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005: "Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ". Trong quá trình giao dịch, do có sự mâu thuẫn và không xác định rõ lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/01 năm, tức là 0,75%/01 tháng (0,025%/ngày). Từ những phân tích trên, tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn cụ thể như sau:

- Đối với số tiền gốc 100.000.000đ: lãi trong hạn là : 100.000.000đ x 0,025%/ngày x 45 ngày (tính từ ngày 21/12/2015 đến 06/2/2016 là 1 tháng 15 ngày) = *1.125.000đ*; lãi quá hạn là: 100.000.000đ x 0,025%/ngày x 302 ngày (tính từ ngày 07/02/2016 đến 09/12/2016 là 10 tháng 02 ngày) = *7.550.000đ* .

- Đối với số tiền gốc 60.000.000đ: lãi trong hạn là : 60.000.000đ x 0,025%/ngày x 30 ngày (tính từ ngày 10/01/2016 đến 10/2/2016 là 1 tháng) = *450.000đ*; lãi quá hạn là: 60.000.000đ x 0,025%/ngày x 298 ngày (tính từ ngày 11/02/2016 đến 09/12/2016 là 09 tháng 28 ngày) = *4.470.000đ*.

- Đối với số tiền gốc 152.000.000đ: tiền lãi quá hạn là 152.000.000đ x 0,025%/ngày x 280 ngày (tính từ ngày 10/12/2016 đến 20/9/2017 là 09 tháng 10 ngày) = 10.640.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi bà Chung phải trả là :

152.000.000đ + 24.235.000đ = 176.235.000đ

Về trách nhiệm trả nợ: Bà C và bà L đều thống nhất việc vay tiền dùng cho cá nhân, phía nguyên đơn chỉ khởi kiện bà C , phía bà C cũng xác định ông Q không liên quan gì việc vay tiền này, bà sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L do đó không có căn cứ để buộc ông Q cùng có trách nhiệm với bị đơn trả nợ cho nguyên đơn.

Về thời hạn trả nợ: Bà C trình bày hiện do khó khăn, có nhiều khoản nợ khác nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ. Xét, số tiền vay đến hạn thanh toán đã lâu, phương án trả nợ do bên bị đơn đưa ra không được nguyên đơn đồng ý nên nghĩ cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả ngay một lần tòa bộ số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T , Hội đồng xét xử thấy: Ngày 31/5/2017, ông T rút lại yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đối với số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.400.000đ, cả ông T và bà L đều xác nhận số tiền của mỗi người là ½ tương ứng số tiền 1.200.000đ. Do ông T rút lại yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận nên hoàn lại cho ông T tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.200.000đ.

Về án phí: Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 176.235.000đ nên phải chịu án phí là 8.811.750đ; nguyên đơn phải chịu án phí 5.278.550đ tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 105.571.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai số 00645 ngày 11/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 305, Điều 471, Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – bà Phạm Thị Mỹ L .

1.1. Buộc bà Trương Thị Kim C có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 176.235.000đ gồm: số tiền gốc 152.000.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu đồng) và lãi là 24.235.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Trương Thị Kim C chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T do ông T rút lại yêu cầu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.811.750đ (Tám triệu tám trăm mười một ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Bà Phạm Thị Kim L phải chịu án phí là 5.278.550đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm năm mươi đồng) được cấn trừ vào ½ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006112 ngày 28/4/2017 và số tiền 4.880.000đ (Bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006533 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Kim L được nhận lại số tiền 801.450đ (Tám trăm lẻ một ngàn bốn trăm năm mươi đồng) theo 02 biên lai trên.

Ông Trương Văn T được nhận lại ½ số tiền tạm ứng án phí là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006112 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Phạm Thị Mỹ L, bà Trương Thị Kim C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Văn T, ông Trần Hồng Q (Trần Hậu Q) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2017/QĐ-SCBSBA	*Tân Bình, ngày 06 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do có sai sót về lỗi chính tả trong bản án số 476/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân quận Tân Bình đã ra quyết định sơ thẩm vụ án dân sự về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ L , sinh năm 1973 và ông Trương Văn Tài, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Đường S, Phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Phạm Thị Mỹ L: Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1970; Địa chỉ: Đường Đ, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số công chứng: 013860, quyển số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2017 tại Văn phòng công chứng Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim C , sinh năm 1971;

Địa chỉ: Đường I, Phường A, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Thái B , sinh năm 1975; Địa chỉ : Đường J, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền có số công chứng 032150, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/8/2017 tại Phòng Công chứng số 4).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hồng Q (Trần Hậu Q), sinh năm 1965; Địa chỉ: Đường I, Phường A, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 476/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017của Toà án nhân dân quận Tân Bình như sau:

Tại dòng thứ 13 và dòng thứ 20 từ dưới lên, trang 6 của bản án đã ghi: " Bà Phạm Thị Kim L ".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: " Bà Phạm Thị Mỹ L ".

Nơi nhận: - Đương sự; - VKSND Q. Tân Bình; - Chi cục THADS Q. Tân Bình; - Lưu hồ sơ tại Tòa án.	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **Mai Thị Bích Thảo**